

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 12 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Duyên

2. Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16 tháng 9 năm 2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà về ở và làm ăn chung với gia đình ông C. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bà hòa thuận. Tháng 3/2023, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau. Ông C có ba lần dùng tay đánh bà. Tháng 6/2023, vợ chồng bà mâu thuẫn căng thẳng và ly thân. Tháng 10/2023, bà về gia đình bố mẹ đẻ bà ở cho đến nay. Quá trình bà về gia đình bố mẹ đẻ bà ở, ông C có 02 lần gọi điện thoại bảo bà về để vợ

chồng đoàn tụ nhưng bà không đồng ý. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 16/4/2008 và cháu Trần Quang K, sinh ngày 04/12/2009. Hiện nay, cháu L và cháu K đang ở với bà. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết để bà nuôi dưỡng cháu L và cháu K, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C trình bày về thời gian, thủ tục kết hôn; trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn; sau ngày cưới, bà H về ở và làm ăn chung với gia đình ông C; quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ông hòa thuận; thời gian vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn; thời gian vợ chồng ông mâu thuẫn căng thẳng và ly thân; nguyên nhân mâu thuẫn như nội dung bà H trình bày ở trên. Ngoài ra, ông C trình bày ông có 02 lần dùng tay đánh bà H, không phải 03 lần như bà H trình bày và quá trình bà H về gia đình bố mẹ đẻ ở, ông có 05 lần gọi điện thoại bảo bà H về để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý, không phải chỉ có 02 lần gọi điện thoại bảo bà H về như bà H đã trình bày. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ, không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông C trình bày vợ chồng ông có 02 con chung và hiện đang ở cùng bà H cụ thể như bà H đã trình bày. Ông được biết 02 cháu có nguyện vọng được ở với bà H. Vì vậy, ông đề nghị nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 cháu L và K cho bà H nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp, công nợ: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly

hôn của bà Trần Thị H, cho bà H được ly hôn ông Trần Văn C; về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh L và cháu Trần Quang K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn ông Trần Văn C có nơi cư trú tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông Trần Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà H và ông C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà H cương quyết xin ly hôn còn ông C không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ đầu tháng 6/2023 cho đến nay. Nguyên nhân theo lời trình bày của bà H, ông C là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, không nói chuyện với nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà H kiên quyết xin ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông C xác nhận kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, ông C có 05 lần gọi điện thoại dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý, điều đó chứng tỏ tình cảm của vợ chồng bà H, ông C đối với nhau không còn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ vì cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của bà H và ông C không đạt được. Ông C không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

- Về con chung: Vợ chồng bà H, ông C có 02 con chung là cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 16/4/2008 và cháu Trần Quang K, sinh ngày

04/12/2009. Hiện nay, hai cháu đều đang ở với bà H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H xin được nuôi dưỡng cháu L và cháu K, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; ông C có quan điểm ông được biết cháu L và cháu K có nguyện vọng được ở với bà H, đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu K cho bà H nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu, nguyện vọng của bà H, ông C cụ thể như trên là chính đáng. Tòa án đã lấy lời khai của cháu L và cháu K. Cháu L và cháu K đều có nguyện vọng được ở với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy bà H có khả năng nuôi cả 02 con nên cần giao cho bà H nuôi dưỡng cháu L và cháu K. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Vì bà H, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Trần Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Trần Thị H được ly hôn ông Trần Văn C.

2. Về con chung:

2.1. Bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 16/4/2008 và cháu Trần Quang K, sinh ngày 04/12/2009. Ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007171 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã V, huyện Tam Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Thảo